TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2025/DS-ST
Ngày: 12/5/2025
V/v"Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hơn

Bà Bùi Thị Thúy Bắc

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 384/2024/TLST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45A/2025/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Á (A);**

Địa chỉ: số D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: ông Từ Tiến P – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình L- Phó Giám đốc phòng quản lý nợ.

Ông L ủy quyền cho ông Đỗ Q, sinh năm 1982;

Địa chỉ: số A N, phường D, thành phố M, Tiền Giang. Có mặt.

* *Bị đơn*: **Ông Phạm Văn C, sinh năm 1976; Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: số nhà A ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Ông C và bà H ủy quyền cho ông Phạm Văn H1, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2024, các bản tự khai ngày 13/01/2025, ngày 25/4/2025, ngày 12/5/2025 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Q trình bày:

Ngày 17/10/2023, Ngân hàng TMCP Á (viết tắt ngân hàng A) ký hợp đồng cấp tín dụng số MOC.CN.301091023 cấp tín dụng cho ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay: sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán cây kiểng. Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức tín dụng. Phương thức giải ngân: được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ cụ thể. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: tối đa 24 tháng, kể từ ngày giao kết hợp đồng tín dụng. Thời hạn cho vay: tối đa không quá 09 tháng, kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân. Lãi suất trong hạn: được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ cụ thể. Lãi suất quá hạn: 150%/ lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông C và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng A. Ngày 22/10/2024, ngân hàng A ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ nêu trên.

Tính đến ngày 25/4/2025, ông C và bà H còn nợ Ngân hàng TMCP Á (A) số tiền là 1.075.787.466 đồng, cụ thể nợ gốc 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 18.176.166 đồng, lãi quá hạn 55.890.411 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 1.720.889 đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP Á (A) yêu cầu ông C và bà H trả cho ngân hàng A số tiền nêu trên.

Đồng thời, buộc ông C và bà H còn phải chịu tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ kể từ ngày 26/4/2025 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm như sau: ngày 17/10/2023, Ngân hàng TMCP Á ký hợp đồng thế chấp tài sản số MOC.BĐCN.12.091023 với ông Phạm Văn C đối với thửa đất số 344 tờ bản đồ số 16 diện tích 1.033m^2 tọa lạc xã V, Chợ L, Bến Tre do ông Phạm Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 17/10/2023.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông C và bà H liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Á tổng số tiền tính đến ngày 12/5/2025 là 1.081.624.496 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 18.176.166 đồng, lãi quá hạn là 61.479.452 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 1.968.878 đồng.

Đồng thời, buộc ông C và bà H còn phải chịu tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ kể từ ngày 13/5/2025 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông H1 trình bày: ông C và bà H có vay của Ngân hàng TMCP Á số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), đến nay ông C và bà H chưa trả nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Á. Ông H1 thống nhất lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Q, bị đơn đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP Á tổng số tiền là 1.081.624.496 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 18.176.166 đồng, lãi quá hạn là 61.479.452 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 1.968.878 đồng. Khi vay tiền, ông C có thế chấp cho ngân hàng A một thửa đất nhưng ông H1 không biết số thửa, số tờ bản đồ tọa lạc xã V, Chợ L, Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật:

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, vụ án có quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại Điều 92 của Luật các tổ chức tín dụng. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre nên vụ kiện của Ngân hàng A thuộc thẩm quyền giải quyết Toà án nhân dân huyện Chợ Lách, Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Vào ngày 17/10/2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á ký hợp đồng tín dụng cho ông C và bà H vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Quá trình vay tiền, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng A như hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông C và bà H liên đới trả cho ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 12/5/2025 là 1.081.624.496 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 18.176.166 đồng, lãi quá hạn là 61.479.452 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 1.968.878 đồng.

Ngân hàng A tiếp tục tính lãi của Hợp đồng tín dụng từ ngày 13/5/2025 đến khi bị đơn trả tất nợ cho ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên đã làm hợp đồng tín dụng về hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật nên bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng A. Phía ngân hàng A đã ra thông báo cho bị đơn về việc thanh toán khoản nợ đã ký kết. Tuy nhiên, đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền nợ vay cho ngân hàng A.

Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt cũng không có ý kiến trước yêu cầu của Ngân hàng A nên bị đơn phải chịu trách nhiệm do việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông H1 thừa nhận bị đơn là ông C và bà H có vay của ngân hàng A số tiền 1.000.000.000 đồng, đến nay bị đơn chưa thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi cho ngân hàng A.

Hội đồng xét xử xét thấy lời thừa nhận của ông H1 là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông C và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 12/5/2025 là 1.081.624.496 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 18.176.166 đồng, lãi quá hạn là 61.479.452 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 1.968.878 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự có cơ sở để buộc ông C và bà H phải liên đới trả cho ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 12/5/2025 là 1.081.624.496 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 18.176.166 đồng, lãi quá hạn là 61.479.452 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 1.968.878 đồng.

Ngân hàng tiếp tục tính lãi của Hợp đồng tín dụng từ ngày 13/5/2025 đến khi bị đơn trả tất nợ cho ngân hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Ngân hàng A được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông C và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 1.081.624.496 đồng là 44.449.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 92, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 7, Điều 8, Điều 10 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á (A) về việc yêu cầu ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị H liên đới trả số tiền đã vay theo hợp đồng cấp tín dụng ngày 17/10/2023 giữa Ngân hàng TMCP Á (A) với ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị H. Cụ thể:

Buộc ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Á (A) tổng số tiền tính đến ngày 12/5/2025 là 1.081.624.496 đồng (một tỷ không trăm tám mươi mốt triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm chín mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), lãi trong hạn là 18.176.166 đồng (mười tám triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 61.479.452 đồng (sáu mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi hai đồng), lãi phạt chậm trả lãi 1.968.878 đồng (một triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi tám đồng).

Ngân hàng tiếp tục tính lãi của Hợp đồng tín dụng từ ngày 13/5/2025 đến khi bị đơn trả tất nợ cho ngân hàng A.

Kể từ ngày 13/5/2025, ông C và bà H còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (A) số tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng ngày 17/10/2023 ký giữa ngân hàng A với ông C và bà H cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

Trường hợp Ngân hàng TMCP Á (A) có điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Á (A) thì lãi suất mà ông C và bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á (A) cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông C và bà H phải liên đới nộp án phí số tiền là 44.449.000 đồng (bốn mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

H2 tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Á (A) số tiền là 21.250.000 đồng (hai mươi mốt triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005844 ngày 23/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 02 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV-TAND tỉnh Bến Tre*;
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS Chợ Lách;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Nga

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 12 tháng 5 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hơn Bùi Thị Thúy B **Nguyễn Thị Tuyết N**